TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/HS-ST
Ngày: 22- 6- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tạ Thị Nành

2. Bà Kháng Mai Thu

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện VKSND thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh T1 - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/6/2025 đến 18/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 125/2025/TLST-HS ngày 27/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HS ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành Phố Điện Biên Phủ đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn Đ; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác, sinh ngày: 10/9/1980, tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố A N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; chức vụ: Chủ tịch công ty CP Macadamia tỉnh Đ; trình độ học vấn: 12/12; con ông Bùi Văn L; con bà Đỗ Thị M (Đã chết); vợ: Nguyễn Thị B và có 02 con, con lớn sinh năm 2006 con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử; ngày 09/8/2012 bị Công an tỉnh P xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền; bị tạm giữ tạm giam từ ngày 20/12/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Minh H; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày: 06/4/1975, tại tỉnh Thái Bình; Nơi thường trú: Phòng E, khu tập thể G, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Số A, ngách C, ngõ A, H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kế toán; chức vụ: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Hoàng Duy H1 (Đã chết); con bà: Phạm Thị L1; vợ: Lê Thị Thanh B1, sinh năm 1981; tiền án; Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/9/2005, bị Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội: *"Đánh bạc"*. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích; bị tạm giữ tạm giam từ ngày 20/12/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Công N; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày: 10/12/1983, tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: Tổ dân phố B, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; chức vụ: Tổng giám đốc công ty CP Macadamia tỉnh Đ; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trần Công T2 (đã chết); con bà: Trần Thị T3; vợ: Đỗ Thị X, sinh năm 1986 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không; thân thân: Ngày 18/6/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 28 tháng tù cho hưởng án treo về tội *"Đánh bạc"*. Đã chấp hành xong toàn bộ Bản án, được xóa án tích; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2024 trong 01 vụ án khác cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Phùng N1; tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày: 08/8/1982 tại tỉnh Hải Dương; nơi thường trú: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; chức vụ: Giám đốc công ty TNHH một thành viên Đ2; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm Phùng C; con bà: Phạm Thị D; vợ: Nguyễn Thị D1; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị bị xử lý hành chính; bị cáo Phạm Phùng N1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 23/12/2024 đến ngày 12/01/2025, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Ngọc D2; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày: 14/11/1964, tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Số D L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Hưu trí; chức vụ: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm Ngọc S; con bà: Phạm Thị Kim T4; vợ: Hoàng Kim L2; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử lý hành chính; bị cáo là đảng viên Đ3 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 27/12/2024 đến ngày 20/01/2025, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

6. Ngô Thị Hương L3; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày: 09/4/1983 tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: Số C, ngõ B, đường K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện tại: P1201, chung cư A, ngõ F, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Ngô Đình L4 (Đã chết); con bà Nguyễn Thị M1; Chồng: Phạm Khắc Đ1 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử lý hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 11/01/2025 đến ngày 26/01/2025, sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Đinh Thị Quỳnh T5; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày: 01/10/1986, tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: Số B ĐN A, TT Nam T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn

giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Đinh Công A; con bà: Trần Thị T6; bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Hoàng H2; có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử lý hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi thường trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Huỳnh Thị Thùy T7; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh ngày: 25/5/1982, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: Số E, L, phường C quận H, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: P504A1, CT19 khu đô thị V, Phường G, Quận L, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Huỳnh Dũng T8; con bà: Lê Thị Tuyết M2; chồng: Nguyễn Đức T9; và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi thường trú từ ngày 07/02/2025 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Thế A1; Sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà B, tổ dân phố C, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ông Đào Hồng H3; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Lan H4; Sinh năm 1978; Địa chỉ: P, số A P, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ông Lưu Quang L5; Sinh năm 1959; Địa chỉ: Số E, Lầu C THĐ, N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Quang L5: Hoàng Công H5.

Địa chỉ: Số A, ngách A L, K, T, Hà Nội, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Xuân N2; Sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn C1; Sinh năm 1981; Địa chỉ: Chung cư A N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội, hiện đang chấp hành án tại trại Giam H7.

- Ông Phạm Văn V; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn V

Địa chỉ: V; địa chỉ: B Hẻm D Ngách H, Ngõ H, M, Hà Nội, có mặt

- Ông Đỗ Thanh T10; Sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị D1; sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương, có mặt

- Bà Đỗ Thị Thu T11; Sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn L6; Sinh năm 1988; Địa chỉ: C, Tòa H L, phường H, Quận H, thành phố Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Trần Công N và Bùi Văn Đ mua lại Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ, từ đó đến nay Nhì giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, Đ là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ngày 26/12/2018 Công ty cổ phần Đ4 (sau đây gọi là Công ty Đ4) do ông Đỗ Thanh T10 – Tổng giám đốc ký hợp đồng thuê Công ty cổ phần L10 do ông Phạm Văn V - Tổng giám đốc làm tổng thầu để thực hiện hạng mục đường công vụ, đường đồng mức, đào hố,… liên quan đến cơ sở hạ tầng để trồng cây Mắc ca tại địa bàn huyện M, tỉnh Điện Biên, sau đó Công ty cổ phần L10 đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Macadamia tỉnh Đ do Trần Công N là tổng giám đốc để thực hiện thi công dự án trên. Nhì là người trực tiếp thuê máy móc và nhân công để làm, nhưng sau khi hoàn thành thì N chưa được thanh toán đủ cho dự án nói trên dẫn đến việc chưa xuất được hóa đơn cho Công ty cổ phần L10. Tuy nhiên, vào năm 2019, Công ty cổ phần L10 đã xuất 02 hóa đơn cho Công ty Đ4 với tổng trị giá là 109.267.653.096 đồng (hóa đơn ký hiệu LV/18P, số 0000024 với giá trị sau thuế là 44.313.160.000 đồng và số 0000026 với giá trị sau thuế là 64.954.493.096 đồng).

Vào khoảng đầu năm 2020, Bùi Văn Đ có nhu cầu mua lại cổ phần của Công ty Đ4 và biết được thông tin Công ty cổ phần L10 chưa có hóa đơn đầu vào nhưng đã xuất hóa đơn cho Công ty Đ4, dẫn đến việc công ty cổ phần L10 phải đóng thuế giá trị gia tăng VAT là 9.900.000.000 đồng và tiền phạt 1.300.000.000 đồng. Đến ngày 22/5/2020, H8 họp tại tòa nhà câu lạc bộ sân G, Hà Nội do ông Dương Công M3 – Chủ tịch chủ trì. Tại cuộc họp Đ đã đề xuất 02 vấn đề: Thứ nhất muốn sở hữu lại Công ty Đ4, thứ hai là tự nguyện đứng ra để vận động ứng trước tiền thuế, tiền phạt để nộp cho Công ty cổ phần L10. Kết luận cuộc họp có nội dung Đ và N phải xử lý xuất hóa đơn cho Công ty cổ phần L10.

Sau cuộc họp trên, Bùi Văn Đ đã thuê Hoàng Minh H làm Kế toán trưởng cho Công ty Đ4, Đ chỉ đạo H sang Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ hoàn thiện hồ sơ và xuất hóa đơn cho Công ty cổ phần L10 để Công ty cổ phần L10 có hóa đơn đầu vào, giải quyết vấn đề cho Công ty Đ4 trước khi Đ tiến hành mua lại Công ty và được H đồng ý. Đ đưa H đến gặp N để giới thiệu và cho N biết việc H sẽ giúp Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ xử lý việc xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần L10. Sau đó H liên hệ với 03 Công ty gồm: Công ty cổ phần Đ5; Công ty TNHH một thành viên Đ2; Công ty cổ phần Đ6 mua được tổng 19 hóa đơn, cụ thể:

Hoằng liên hệ với Nguyễn Xuân N2, trú tại thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, là giám đốc Công ty Q để trao đổi về việc Công ty của H đang thiếu hóa đơn đầu vào thuê máy móc, thiết bị, nếu Công ty của Năng dư thuế đầu vào thì xuất cho Công ty của H, N2 nói là không có, sau đó N2 cho H số điện thoại của Phạm Phùng N1 – Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đ2 ở xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương để H trực tiếp liên hệ với N1 và được N1 đồng ý. Hai bên thống nhất với

nhau về việc xuất hóa đơn, tiền thuế GTGT là 10% còn chi phí mua hóa đơn là 2%, tổng là 12%. N1 cân đối sổ sách rồi gửi lại bảng kê, hợp đồng kinh tế cho H, H đồng ý. N1 làm hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ rồi gửi cho H, sau đó H chuyển cho Trần Công N ký chuyển lại cho N1. N1 đã xuất khống 02 hóa đơn giá trị gia tăng có tổng giá trị tiền hàng là 10.002.582.417 đồng, tổng giá trị sau thuế là 11.002.840.659 đồng gồm:

Hóa đơn số 0000157 ngày 10/6/2020: Có trị giá tiền hàng là 5.578.667.582 đồng, giá trị sau thuế là 6.136.534.340 đồng.

Hóa đơn số 0000162 ngày 27/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 4.423.914.835 đồng, giá trị sau thuế là 4.866.306.319 đồng.

Vào các ngày 20/7/2020 đến ngày 22/7/2020, N1 nhận tiền từ Công ty M chuyển 03 lần với tổng số tiền 11.002.840.660 đồng, cụ thể: Hai lần đầu 4.000.000.000 đồng, lần thứ ba 3.002.840.660 đồng. Trong đó: Nam giữ lại 1.202.840.660 đồng; rút số tiền 1.800.000.000 đồng ra giữ lại 50.000.000 đồng (là số tiền H và N1 đã thống nhất, tiền Hoằng trả nợ N1 thay N2 do N2 đang nợ N1 số tiền 50.000.000 đồng). N1 chuyển vào tài khoản theo chỉ dẫn của H số tiền 1.750.000.000 đồng. Phạm Phùng N1 đã kê khai tại Cơ quan thuế 02 hoá đơn GTGT khống bán trên và đóng 10% thuế VAT trên tổng số tiền ghi trên hoá đơn tương đương 1.000.258.242 đồng. Kết thúc việc mua bán hóa đơn N1 hưởng lợi số tiền 202.582.418 đồng; H hưởng lợi số tiền 250.000.000 đồng.

Hoàng Minh H đến gặp riêng Phạm Ngọc D2 – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đ5, tại số C, N, phường H, Quận H, thành phố Hà Nội (trước đó H là kế toán trưởng của Công ty Đ5) tại phòng làm việc của D2 ở trụ sở Công ty Đ5, H đặt vấn đề về việc Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ thiếu hóa đơn đầu vào, cần Công ty khai thác cảng xuất hóa đơn khống để cân đối tài chính, hợp thức hóa công trình mà Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ đã thi công nhưng không đủ hồ sơ, ngoài ra Hoằng hứa hẹn sau khi hoàn thành thì D2 cũng sẽ được hưởng lợi, D2 đồng ý.

D2 trao đổi với Ngô Thị Hương L3 là kế toán trưởng của Công ty khai thác cảng về nội dung trên và bảo L3 phối hợp với H thực hiện để hợp thức hóa việc Công ty khai thác cảng xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ. Sau đó H đã gửi cho D2 hợp đồng xây dựng giữa Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ và Công ty Đ5, hồ sơ khối lượng hoàn công liên quan đến hợp đồng để D2 xem xét. Ngoài ra, L3 và D2 còn thực hiện mua 25 hóa đơn của các công ty: Công ty cổ phần Đ6, Công ty cổ phần Đ6, Công ty cổ phần X1, Công ty TNHH T12 để đảm bảo hóa đơn đầu vào cho Công ty khai thác cảng.

Sau khoảng 02 tuần thì H chuyển hồ sơ hoàn công liên quan đến hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ và Công ty Đ5 có chữ ký của Trần Công N và dấu của Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ, D2 ký xong các thủ tục trên thì chuyển cho L3 để L3 xuất khống 02 hóa đơn giá trị gia tăng có tổng giá trị tiền hàng là 67.172.303.873 đồng, tổng giá trị sau thuế là 73.889.534.260 đồng gồm:

Hóa đơn số 0000098 ngày 23/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 28.026.683.555 đồng, giá trị sau thuế là 30.829.351.910 đồng.

Hóa đơn số 0000100 ngày 03/8/2020: Có trị giá tiền hàng là 39.145.620.318 đồng, giá trị sau thuế là 43.060.182.350 đồng.

Sau đó Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ chuyển tiền cho Công ty Đ5 cảng theo giá trị trên hóa đơn, do không đủ số tiền như ghi trên hóa đơn, từ ngày 28/7/2020 đến ngày 03/8/2020, các bị cáo đã quay vòng tiền bằng cách chuyển đi, chuyển lại nhằm tạo giao dịch giả giữa hai bên. Trong quá trình quay vòng tiền giữa Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ và Công ty Đ5, L3 lập ủy nhiệm chi, trình D2 ký và chuyển hoàn vào tài khoản cá nhân của Hoàng Minh H và các Công ty thầu phụ mà L3 mua hóa đơn chi phí đầu vào cho Công ty Đ5 đã nêu trên, số tiền này sau đó đều được chuyển hoàn lại vào tài khoản của H. Sau tất cả giao dịch, số tiền mà Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ đã chuyển cho Công ty Đ5 là 73.898.360.000 đồng (bao gồm cả phí dịch vụ ngân hàng), Tổng số tiền Công ty Đ5 chuyển lại cho Công ty Macadamia tỉnh Đ là 69.786.900.000 đồng và giữ lại số tiền 4.103.100.000đ đã khấu trừ phí dịch vụ ngân hàng, trong đó D2 nộp tiền thuế vãng lai cho Chi cục thuế huyện M là 1.343.446.077 đồng, H được hưởng lợi 1.500.000.000 đồng, L3 được hưởng lợi 300.000.000 đồng, còn lại 959.653.923 đồng D2 được hưởng lợi.

Sau khi thực hiện giao dịch với Công ty Đ5, H thấy còn thiếu hóa đơn đầu vào đối với mặt hàng dầu nên đã liên hệ với Ngô Thị Hương L3, để nhờ L3 tìm đầu mối nhập xăng dầu lớn, L3 đồng ý và đã liên hệ với Huỳnh Thị Thùy T7 để nhờ T7 tìm giúp. Sau khoảng vài ngày, Huỳnh Thị Thùy T7 cho biết đã tìm được Công ty cung ứng xăng dầu là Công ty cổ phần Đ6 tại phường C, quận B, thành phố Hà Nội do Đinh Thị Quỳnh T5 làm Phó giám đốc. L3 liên hệ với H thì H nói chỉ muốn mua hóa đơn xăng dầu, không cần nhập hàng thật. Sau đó qua liên hệ của L3 và Huỳnh Thị Thùy T7, Đinh Thị Quỳnh T5 đã tự cân đối và lập hợp đồng mua bán xăng dầu chuyển qua Huỳnh Thị Thùy T7 và L3 gửi về cho H để H chuyển cho N ký như những lần trước. Sau đó Đinh Thị Quỳnh T5 đã xuất khống 15 hóa đơn giá trị gia tăng bán từ Công ty cổ phần Đ6 cho Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ có tổng giá trị tiền hàng là 11.042.421.037 đồng, tổng giá trị sau thuế là 12.146.663.140 đồng gồm:

Hóa đơn số 0001149 ngày 03/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 653.331.000 đồng, giá trị sau thuế là 718.664.100 đồng.

Hóa đơn số 0001156 ngày 05/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 555.122.000 đồng, giá trị sau thuế là 610.634.200 đồng.

Hóa đơn số 0001175 ngày 10/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 821.489.400 đồng, giá trị sau thuế là 903.638.340 đồng.

Hóa đơn số 0001188 ngày 13/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 651.211.000 đồng, giá trị sau thuế là 716.332.100 đồng.

Hóa đơn số 0001208 ngày 18/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 911.971.000 đồng, giá trị sau thuế là 1.003.168.100 đồng.

Hóa đơn số 0001261 ngày 27/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 809.734.000 đồng, giá trị sau thuế là 890.707.400 đồng.

Hóa đơn số 0001285 ngày 31/7/2020: Có trị giá tiền hàng là 1.103.147.455 đồng, giá trị sau thuế là 1.213.462.200 đồng.

Hóa đơn số 0001295 ngày 01/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 577.896.000 đồng, giá trị sau thuế là 635.685.600 đồng.

Hóa đơn số 0001298 ngày 01/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 612.576.273 đồng, giá trị sau thuế là 673.833.900 đồng.

Hóa đơn số 0001304 ngày 03/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 861.688.091 đồng, giá trị sau thuế là 947.856.900 đồng.

Hóa đơn số 0001309 ngày 04/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 600.744.818 đồng, giá trị sau thuế là 660.819.300 đồng.

Hóa đơn số 0001316 ngày 05/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 710.321.455 đồng, giá trị sau thuế là 781.353.600 đồng.

Hóa đơn số 0001319 ngày 06/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 655.668.818 đồng, giá trị sau thuế là 721.235.700 đồng.

Hóa đơn số 0001325 ngày 07/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 850.670.727 đồng, giá trị sau thuế là 935.737.800 đồng.

Hóa đơn số 0001330 ngày 08/08/2020: Có trị giá tiền hàng là 666.849.000 đồng, giá trị sau thuế là 733.533.900 đồng.

Hai bên thỏa thuận mua bán hóa đơn tính là 30 đồng/ 01 lít ghi trên hóa đơn. Tuy nhiên, Huỳnh Thị Thùy T7 và Đinh Thị Quỳnh T5 đều chưa được hưởng lợi từ việc mua, bán hóa đơn nói trên.

Sau khi thực hiện xong việc mua bán 19 hóa đơn nói trên, H đã báo cáo lại với Đ và được Đ chỉ đạo H viết hóa đơn GTGT khống cho N ký để xuất 03 hóa đơn từ Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ có tổng trị giá 108.987.885.200 đồng cho Công ty Cổ phần L10.

Các hoá đơn liên quan đến việc mua bán trên đây đều đã được các Công ty có liên quan kê khai, nộp thuế tại các cơ quan thuế theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và Thông báo đính chính, bổ sung Cáo trạng đã truy tố: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo.

Tại Bản kết luận giám định số 184/KL-KTHS ngày 24/02/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký Trần Công N trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A3, A8, A9 và từ A11 đến A13 với chữ ký đứng tên Trần Công N trên "BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH" đề ngày 14/02/2025, ký hiệu M1 do cùng một người viết ra;

- Chữ ký đứng tên Phạm Phùng N1 trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A5 với chữ ký đứng tên Phạm Phùng N1 trên "BẢN TỰ KHAI/BẢNTƯỜNG TRÌNH" đề ngày 22/12/2025, ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra;

- Chữ ký đứng tên Phạm Ngọc D2 trên các tài liệu cần giám định từ A6 đến A7 với chữ ký đứng tên Phạm Ngọc D2 trên: 'BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH" đề ngày 26/12/2024, ký hiệu là M3 là do cùng một người viết ra;

- Các hình dấu có nội dung đề của "CÔNG TY CỔ PHẦN MACADAMIA TỈNH ĐIỆN BIÊN" trên các tài liệu cần giám định, ký hiệu từ A1 đến A3 và từ A8 đến A13 với hình dấu đóng ra từ con dấu gửi giám định, ký hiệu M4, không phải do cùng con dấu đóng ra;

- Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký đứng tên Trần Công N trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A10 với chữ ký đứng tên Trần Công N trên: "BẢN TỰ KHAI/BẢN TƯỜNG TRÌNH" có phải cùng một người viết ra hay không"

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt: Nguyễn Thị D1 giữ nguyên các lời khai tại cơ quan điều tra, chị không liên quan gì đến hai hóa đơn VAT mà công ty TNHH một thành viên Đ2 xuất bán cho Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ, không có ý kiến gì về kết luận giám định chữ ký, chữ viết của cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ về giám định chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị D1.

Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Văn V nhất trí với các lời khai của ông Phạm Văn V, đề nghị Tòa xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt: Ông Bùi Thế A1, Đào Hồng H3, bà Nguyễn Thị Lan H4, ông Nguyễn Xuân N2, bà Đỗ Thị Thu T11, ông Nguyễn Văn L6, ông Đỗ Thanh T10 đều giữ nguyên các lời khai tại cơ quan điều tra, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Quang L5 có ý kiến: Ông giữ nguyên lời khai tại cơ quan tra, ông chỉ yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn trái phép dựa trên số tiên thuế được hưởng của Công ty Đ5. Số tiền 959.653.923, ông L5 đã được nhận do Phạm Ngọc D2 giao nộp đủ, số tiền 300.000.000 đồng đã nhận đủ của bị cáo Ngô Thị Hương L3, ông yêu cầu bị cáo Hoàng Minh H trả lại số tiền thu lợi bất chính đã gây thiệt hại về thuế cho Công ty khai thác cảng là 1.500.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 51/CT-VKSĐBP ngày 28/3/2025 và Thông báo Đính chính, bổ sung Cáo trạng số 01/TB-VKSĐBP ngày 03/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố các bị cáo Bùi Văn Định, Trần Công Nhì, Đinh Thị Quỳnh T5 và Huỳnh Thị Thùy T7 phạm tội: *"Mua bán trái phép hóa đơn"* quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Minh H, Phạm Phùng N1, Phạm Ngọc D2 và Ngô Thị Hương L3 đã phạm tội: "Mua bán trái phép hóa đơn" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ luận tội các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 328 BLTTHS đề nghị tuyên phạt tiền đối với bị cáo **Hoàng Minh H** từ 400.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng và đề nghị HĐXX trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 35, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị tuyên phạt tiền đối với bị cáo **Phạm Phùng N1** từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị tuyên phạt tiền đối với bị cáo **Phạm Ngọc D2** từ 350.000.000 đồng đến 380.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị tuyên phạt tiền đối với bị cáo **Ngô Thị Hương L3** từ 250.000.000 đồng đến 280.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị tuyên phạt tiền đối với bị cáo **Đinh Thị Quỳnh T5** từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị tuyên phạt tiền đối với bị cáo **Huỳnh Thị Thùy T7** từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 36, điểm s, t, v khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị tuyên phạt bị cáo **Trần Công N** từ 06 tháng – 07 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo **Bùi Văn Đ** từ 18 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 180 ngày bị tạm giam (từ ngày 20/12/2024 đến ngày xét xử 17/6/2025) quy đổi thành 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 0 – 02 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự;

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hà Nội trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị hủy bỏ quyết định về việc bảo lĩnh của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, đối với các bị cáo: Phạm Phùng N1, Phạm Ngọc D2, Ngô Thị Hương L3 và biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với các bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5 và Huỳnh Thị Thùy T7.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp: Không.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 case máy tính nhãn hiệu U-tek màu đen là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo Phạm Phùng N1; 202.582.481 đồng là tiền Phạm Phùng N1 thu lợi bất chính và 250.000.000 đồng là tiền Hoàng Minh H thu lợi bất chính (số tiền trên được các bị cáo tác động gia đình giao nộp để khắc phục hậu quả).

- Trả lại cho ông Lưu Quang L5 là Giám đốc Công ty Đ5 cảng số tiền 1.500.000.000 đồng là số tiền mà Hoàng Minh H thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn gây thiệt hại về thuế với công ty Đ5.

- Trả lại 01 ổ cứng máy tính loại HDD, nhãn hiệu WD Blue, dung lượng 500GB cho chủ sở hữu hợp pháp là Bùi Thế A1 do Thế A1 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trách nhiệm dân sự: Không.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không bào chữa cho hành vi của mình, nhất trí với nội dung Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có quan điểm tranh luận. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn V không có quan điểm tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của các bị cáo bị truy tố: Vào năm 2020, Bùi Văn Đ – Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ đã cùng với Trần Công N – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Macadamia tỉnh Đ và Hoàng Minh H – kế toán trưởng công ty Cổ phần Đ4 đã có hành vi mua trái phép 19 hóa đơn giá trị gia tăng khống *(Gọi tắt là VAT)*, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo với tổng giá trị ghi trên hóa đơn (đã bao gồm thuế) là **97.039.503.800** đồng để hợp thức hóa đầu vào và xuất khống 03 hóa đơn cho công ty cổ phần L10. Cụ thể:

02 hóa đơn GTGT với tổng giá trị ghi trên hóa đơn *(Đã bao gồm thuế suất GTGT 10%)* là **73.890.000.000 đồng** từ công ty cổ phần Đ5 do Phạm Ngọc D2 - Tổng giám đốc và Ngô Thị Hương L3 - kế toán trưởng thực hiện; 02 hóa đơn GTGT

với tổng giá trị ghi trên hóa đơn *(Đã bao gồm thuế suất GTGT 10%)* là **11.002.840.660 đồng** từ công ty TNHH một thành viên Đ2 do Phạm Phùng N1 - Giám đốc thực hiện; 15 hóa đơn GTGT với tổng giá trị ghi trên hóa đơn *(Đã bao gồm thuế suất GTGT 10%)* là **12.146.663.140 đồng** từ công ty cổ phần Đ6 do Ngô Thị Hương L3 và Huỳnh Thị Thùy T7 làm người trung gian liên hệ với Đinh Thị Quỳnh T5 - Phó giám đốc điều hành trực tiếp thực hiện.

Sau khi mua được 19 hóa đơn từ các công ty nêu trên, Đ đã chỉ đạo H viết 03 hóa đơn GTGT khống, không có hàng hóa dịch vụ kèm theo với tổng trị giá ghi trên hóa đơn *(Đã bao gồm thuế suất GTGT 10%)* là **108.987.885.200 đồng** để xuất hóa đơn cho công ty Cổ phần L10.

Hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng đơn tố giác tội phạm (BL 01-02); Biên bản cuộc họp 22/5/2020 của H8 họp tại tòa nhà câu lạc bộ sân G, Hà Nội (BL 295, 296) về tiến độ thực hiện và tháo gỡ khó khăn khi triển khai dự án của Công ty cổ phần Đ4; các hồ sơ nghiệm thu công trình, các hợp đồng kinh tế; các hóa đơn VAT đã thu giữ; các biên bản ghi lời khai; biên bản hỏi cung; các bản tự khai của các bị cáo (BL 2491-2532, 2453-2469, 2543-2578, 2584-2600, 2607-2634, 2649-2672, 2679-2691, 2714-2722, 2734-2738, 2743-2749); các biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các bản kết luận giám định về chữ ký, chữ viết của các bị cáo Trần Công N, Phạm Phùng N1, Phạm Ngọc D2; các hồ sơ, tài liệu, đồ vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp.

Tổng số hóa đơn các bị cáo mua bán trái phép: Bị cáo Hoàng Minh H mua bán trái phép 22 hóa đơn, hưởng lợi số tiền 1.750.000.000 đồng, Phạm Phùng N1 mua bán trái phép 02 hóa đơn, hưởng lợi số tiền 202.582.418 đồng, Phạm Ngọc D2 mua bán trái phép 02 hóa đơn, hưởng lợi số tiền 959.653.923 đồng, Ngô Thị Hương L3 mua bán trái phép 17 hóa đơn hưởng lợi số tiền 300.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Hoàng Minh H, Phạm Phùng N1, Phạm Ngọc D2 và Ngô Thị Hương L3 đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn"* quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo: Bùi Văn Đ mua bán trái phép 22 hóa đơn; Trần Công N mua bán trái phép 21 hóa đơn, Huỳnh Thị Thùy T7 và Đinh Thị Quỳnh T5 mua bán trái phép 15 hóa đơn, các bị cáo chưa hưởng lợi gì từ việc mua bán trái phép hóa đơn nên hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn"* quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách nhà nước.

Từ những phân tích trên, HĐXX khẳng định Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy:

Bùi Văn Đ và Trần Công N sau khi được giao nhiệm vụ xử lý xuất hóa đơn đầu vào cho Công ty Cổ phần L10, Bùi Văn Đ đã thuê Hoàng Minh H làm kế toán Công ty cổ phần Đ4 sang công ty cổ phần Macadamia tỉnh Đ để chủ động cân đối tài chính, chủ động thực hiện việc tìm các công ty đối tác, các giao dịch mua bán hóa đơn trên thị trường, Đ đã chi khoảng 11 tỷ đồng cho H để H thực hiện các giao dịch mua bán hóa đơn; Trần Công N với vai trò là tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty đóng vai trò giúp sức trong việc ký kết các hợp đồng, ủy nhiệm chi, thực hiện các giao dịch giả, trực tiếp ký xuất hóa đơn cho công ty cổ phần L10. Các bị cáo đều là người thực hiện tội phạm nhưng không có sự phân công, nhiệm vụ rõ ràng cho từng người nên không có tổ chức, đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

Phạm Ngọc D2 và Ngô Thị Hương L3 cùng cố ý thực hiện tội phạm, D2 và L3 không có sự phân công vai trò, các bị cáo đều là người thực hành.

Đối với Đinh Thị Quỳnh T5 cùng Huỳnh Thị Thùy T7 cùng cố ý thực hiện tội phạm, không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người nên không có tổ chức, các bị cáo đều là người thực hành.

Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của các bị cáo: Bùi Văn Đ, Trần Công N, Huỳnh Thị Thùy T7 và Đinh Thị Quỳnh T5 chưa hưởng lợi gì từ việc mua bán trái phép hóa đơn nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự với mức hình phạt từ phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Sau khi mua bán trái phép hóa đơn VAT, bị cáo Hoàng Minh H hưởng lợi số tiền 1.750.000.000 đồng, Phạm Phùng N1 hưởng lợi số tiền 202.582.418 đồng, Phạm Ngọc D2 hưởng lợi số tiền 959.653.923 đồng, Ngô Thị Hương L3 hưởng lợi số tiền 300.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo thuộc điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự với mức hình phạt từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo **Bùi Văn Đ** sinh ra và lớn lên tại Thành phố Hà Nội, ngày 09/8/2012 đã từng bị xử lý hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, đã chấp hành xong Quyết định và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Như vậy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Bị cáo Trần Công N sinh ra và lớn lên tại tỉnh Thái Bình. Bị cáo là người tố cáo hành vi phạm tội của các bị cáo bằng đơn tố giác tội phạm và tích cực hợp tác với các cơ quan trong việc điều tra, truy tố nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không nhận tội song tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong quá trình công tác bị cáo được Ủy ban Hội tỉnh Đ tặng bằng Khen; được Chủ tịch Phòng T13 và Chủ tịch Hội đồng Trung ương các hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam tặng Bằng Khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Ngày 18/6/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 28 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", bị cáo đã chấp hành xong bản án được xóa án tích. Ngày 16/6/2025 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 02 năm tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo Bản án số 122/2025/HSST, bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Như vậy bị cáo có ba tình giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Đã được xóa án tích, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Bị cáo Hoàng Minh H sinh ra và lớn lên tại tại Thái Bình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình là chị Hoàng Thị Bích L7 em gái bị cáo nộp toàn bộ số tiền 1.750.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đ mở tại kho bạc nhà nước khu vực IX Điện Biên theo giấy ủy nhiệm chi ngày 21/4/2025, đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có mẹ đẻ là Phạm Thị L1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Ngày 09/9/2005 bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội: "Đánh bạc" đã chấp hành xong toàn bộ Bản án. Bị cáo Hoàng Minh H đã 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn thu lợi bất chính đều trên 100.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Như vậy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Phạm Phùng Nam S1 ra và lớn lên tại tỉnh Hải Dương. Bị cáo không có tiền án, tiền sự không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả nộp toàn bộ số tiền được hưởng lợi là 202.582.418 đồng vào tài khoản của Chi Cục Thi hành án dân sự, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như

vậy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Bị cáo Phạm Ngọc D2 và bị cáo Ngô Thị Hương L3. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo Phạm Ngọc D2 đã chủ động nộp tiền số tiền 959.653.923 đồng, Ngô Thị Hương L3 nộp số tiền 300.000.000 đồng khắc phục hậu quả và đã được trả cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hoàng Công H5 - đại diện theo ủy quyền của Công ty khai thác Cảng theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 291 ngày 27/02/2025 đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Ngọc D2 có bố đẻ là ông Phạm Ngọc S được Hội đồng nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy bị cáo Phạm Ngọc D2 có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, 01 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ngô Thị Hương L3 có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào

Bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5 sinh ra và lớn lên tại tỉnh Thái Bình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bố đẻ là ông Đinh Công A là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5 có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, 01 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Bị cáo Huỳnh Thị Thùy T7 sinh ra và lớn lên tại Thừa Thiên Huế. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Như vậy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[4]. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, vai trò, vị trí của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Bùi Văn Đ là Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ có vai trò chính trong thực hiện hành vi phạm tội nhưng quá trình xét hỏi tại phiên tòa của bị cáo cho thấy: Bị cáo nhận thấy tiềm năng phát triển cây mắc ca trên địa bàn tỉnh Điện Biên nên có tâm huyết và mong muốn phát triển, mở rộng thêm diện tích mắc ca trên địa bàn tỉnh với mục đích phát triển kinh tế tạo

thêm việc làm và thu nhập cho người lao động nên nhất thời phạm tội, phạm tội không có tính vụ lợi, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Bị cáo Trần Công N là Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ và người cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo Đ, là người tổ giác hành vi phạm tội của các bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng không thu lợi.

Bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5 và Huỳnh Thị Thùy T7 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Bị cáo Hoàng Minh H là kế toán công ty là người thực hành tích cực chủ động trong vụ án, mặc dù bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội từ hai lần trở lên song bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đã chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án.

Bị cáo Phạm Phùng N1, Phạm Ngọc D2, Ngô Thị Hương L3 cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ và cũng đã chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt phù hợp là cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Bùi Văn Đ và Trần Công N, các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng, đều có nơi cư trú rõ ràng theo Điều 36 Bộ luật hình sự. Áp dụng mức hình phạt tiền đối với bị cáo còn lại là phù hợp với pháp luật theo khoản 1, khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự; Điều 35 Bộ luật hình sự căn cứ theo tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tinh thần khắc phục toàn bộ hậu quả và nhân thân của các bị cáo, các bị cáo đều có nhiều tình tình tiết giảm nhẹ, phù hợp với đường lối xét xử các tội phạm trong lĩnh vực kinh tế. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần được chấp nhận, tuy nhiên đối với bị cáo Trần Công N cần áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ phù hợp hơn, có thời hạn dài hơn, căn cứ vào nhân thân xấu đã có một lần bị xét xử.

[5]. Về hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 203 và khấu trừ thu nhập theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo Bùi Văn Đ và Trần Công N: Tại phiên tòa đã làm rõ mặc dù bị cáo Bùi Văn Đ là chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ, Trần Công N là Tổng Giám đốc Công ty Macadamia tỉnh Đ và là người đại diện theo pháp luật song từ khi triển khai dự án trồng cây mắc Ca trên địa bàn tỉnh Điện Biên, doanh nghiệp nhiều năm liên tục mở rộng diện tích trồng mắc ca, kinh doanh chưa phát sinh lợi nhuận, khoản nợ ngân hàng còn lớn, các bị cáo không hưởng lợi gì về việc mua bán hóa đơn VAT trái phép, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các biên bản xác minh nhân thân, tài sản bị cáo Bùi Văn Đ không xác định được có tài sản. Bị cáo Trần Công N có tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất song hiện đang thế chấp và có dự nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ7 - Chi nhánh tỉnh Đ và đã được giải quyết bằng vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên việc áp dụng

hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập sẽ không có khả năng thi hành, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Bùi Văn Đ và Trần Công N. Hơn nữa bị cáo Trần Công N là đối tượng sử dụng ma túy đã bị xét xử tại Bản án số 122/2025/HSST ngày 16/6/2025 với mức hình phạt 02 năm tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Đối với các bị cáo Hoàng Minh H, Phạm Ngọc D2, Phạm Phùng N1, Ngô Thị Hương L3, Đinh Thị Quỳnh T5, Huỳnh Thị Thùy T7 đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền. Bị cáo Phạm Ngọc D2 đã nghỉ hưu, bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5 công ty không còn hoạt động, bị cáo Ngô Thị Hương L3 hiện đã chuyển công việc khác, bị cáo Phạm Phùng N1 phạm tội lần đầu, đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên Hội đồng xét xử không có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề hoặc công việc nhất định có thời hạn theo khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS và khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Đối với 01 case máy tính nhãn hiệu U-tek màu đen liên quan đến hành vi phạm tội, là công cụ, phương tiện phạm tội của bị cáo Phạm Phùng N1 nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền 202.582.481 đồng là tiền Phạm Phùng N1 thu lợi bất chính và 250.000.000 đồng là tiền Hoàng Minh H thu lợi bất chính, số tiền trên đều được các bị cáo tác động gia đình giao nộp để khắc phục hậu quả, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 1.500.000.000 đồng là số tiền mà Hoàng Minh H thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn gây thiệt hại về thuế với Công ty Đ5 cần trả lại cho công ty Đ5.

- Trả lại 01 ổ cứng máy tính loại HDD, nhãn hiệu WD Blue, dung lượng 500GB cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Bùi Thế A1 do Bùi Thế A1 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội.

7. Các vấn đề có liên quan khác:

7.1. Việc xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ:

Quá trình điều tra, cơ quan đã tiến hành tra các đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án: Trả lại các tài liệu đã tạm giữ trong quá trình khám xét nơi làm việc của Phạm Ngọc D2 tại Trụ sở Công ty Cổ phần Đ5 ngày 21/12/2024 (*Các tài liệu không liên quan đến vụ án)* cho ông Lưu Quang L5 theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 144 ngày 16/01/2025 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố Đ, ông Lưu Quang L5 nhất trí không có ý kiến gì.

Trả lại 01 chiếc máy tính xách tay, nhãn hiệu ASUS, màu bạc, đã qua sử dụng cho Hoàng Minh H; 01 chiếc máy tính xách tay, nhãn hiệu HP, màu xám, và 01 Case máy tính, nhãn hiệu DELL, đã qua sử dụng cho Phạm Phùng N1; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 PRIME, màu xám, đã qua sử dụng cho Ngô Thị Hương L3; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm

ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 Ultra, màu xám, đã qua sử dụng cho Đinh Thị Quỳnh T5; toàn bộ các tài liệu tạm giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn Đ ngày 13/12/2024 cho Bùi Văn Đ theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 28 ngày 21/02/2025. Các bị cáo Hoằng Minh H6, Phạm Phùng N1, Ngô Thị Hương L3, Đinh Thị Quỳnh T5, Bùi Văn Đ đều nhất trí không có ý kiến gì.

Trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu đã tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Phạm Phùng N1 ngày 21/12/2024 *(không liên quan đến vụ án)* cho Phạm Phùng N1 theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 288 ngày 26/02/2025, bị cáo nhất trí không có ý kiến gì.

Trả lại số tiền đã nộp thừa của các bị cáo: Số tiền: 997.727.582 đồng cho bị cáo Phạm Phùng N1, số tiền 1.200.346.077 đồng cho bị cáo Phạm Ngọc D2; số tiền 140.000.000 đồng cho bị cáo Ngô Thị Hương L3; số tiền 1.259.653.923 đồng (gồm: 959.653.923 đồng do Phạm Ngọc D2 giao nộp và 300.000.000 đồng do Ngô Thị Hương L3 giao nộp) cho ông Hoàng Công H5 đại diện theo ủy quyền của Công ty khai thác cảng theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 291 ngày 27/02/2025. Những người được trao trả trên đều nhất trí không có ý kiến gì.

7.2. Về những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác liên quan đến vụ án:

Đối với Lưu Quang L5 - Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Đ5: Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không có ý kiến gì khác. Quá trình điều tra đã làm rõ ông L5 không biết việc Phạm Ngọc D2 và Ngô Thị Hương L3 sử dụng Công ty Đ5 để thực hiện hành vi mua bán trái phép hoá đơn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Đối với Bùi Thế A1 *(Nguyên Kế toán của Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ năm 2020)*: Quá trình điều tra đã làm rõ Thế A1 không biết việc Bùi Văn Đ và Trần Công N chỉ đạo Hoàng Minh H mua bán trái phép hoá đơn. Bùi Thế A1 không được tham gia việc mua bán trái phép hoá đơn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Đối với Đỗ Thị Thu T11 cổ đông của Công ty cổ phần Macadamia tỉnh Đ (năm 2020): Quá trình điều tra đã làm rõ, chị T11 không biết, không tham gia việc mua bán trái phép hoá đơn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Xuân N2 là người giới thiệu Phạm Phùng N1 cho H: Quá trình điều tra đã làm rõ, N2 nhưng không biết việc trao đổi mua bán trái phép hoá đơn giữa bị cáo H và bị cáo N1 nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với Đỗ Thanh T10 – Tổng giám Công ty Đ4 (giai đoạn cuối 2019 đầu năm 2020): Quá trình điều tra đã làm rõ, T10 không biết và không chỉ đạo việc mua bán trái phép hoá đơn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Thị D1 – Kế toán Công ty TNHH một thành viên Đ2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, D1 khai không biết việc Phạm Phùng N1 mua bán trái phép hoá đơn. Kết quả giám định chữ ký, chữ viết sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung không xác định được D1 là người ký trên hai hóa đơn giá trị gia tăng ngày 10/6/2020 của Công ty TNHH một thành viên Đ2 bán cho Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Lan H4 – Giám đốc Công ty cổ phần Đ6. Quá trình điều tra đã làm rõ H4 được Đinh Thị Quỳnh T5 nhờ đứng tên làm người đại diện của Công ty Cổ phần Đ6. H4 không tham gia điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, không biết việc Đinh Thị Quỳnh T5 sử dụng Công ty cổ phần Đ6 vào việc mua bán trái phép hoá đơn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý

Đối với Nguyễn Thị Ái L8 – Kế toán Công ty cổ phần Đ6, Đinh Thị Quỳnh T5 không biết năm sinh, địa chỉ của Nguyễn Thị Ái L8 nên Cơ quan điều tra không đủ thông tin để xác minh, lấy lời khai L8 có hay không liên quan đến việc mua bán trái phép hoá đơn nên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Lời khai của Nguyễn Văn L6 là kế toán công ty cổ phần L10 năm 2020. Quá trình điều tra đã xác định L6 không tham gia vào việc mua bán trái phép hóa đơn, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Đối với Phạm Văn V: Quá trình điều tra đã làm rõ, ông V không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Lời khai của Đào Hồng H3 là Phó tổng giám đốc phụ trách mảng kỹ thuật, hồ sơ thiết kế của Công ty cổ phần Đ4: Quá trình điều tra xác định H3 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý.

Lời khai của Nguyễn Văn C1 tại cơ quan Điều tra: Năm 2020 C1 là Giám đốc của Công ty Cổ phần X1 và là người điều hành hoạt động của Công ty TNHH X2 mang tên Nguyễn Đức L9, C1 là người nhặt được căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức L9 và mang đi làm thủ tục đăng ký kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Nguyễn Đức L9. C1 thừa nhận có dùng hai công ty trên bán hai hóa đơn VAT khống cho cho Công ty cổ phần Đ5, cụ thể: C1 sử dụng công ty X2 bán khống một hóa đơn cho Công ty Đ5 và sử dụng Công ty X1 xuất bán khống một hóa đơn cho Công ty Đ5. Đối với hành vi của Ngô Thị Hương L3 về việc mua hóa đơn của Nguyễn Văn C1 và việc C1 bán 02 hóa đơn của công ty cổ phần X1 và Công ty T12. Quá trình điều tra xác định, 01 hóa đơn do công ty cổ phần X1 xuất bán cho Công ty khai thác cảng, cơ quan Điều tra đã thu thập được bản kết luận điều tra và bản án của Nguyễn Văn C1, hiện C1 đang chấp hành án, đối với 01 hóa đơn còn lại Nguyễn Văn C1 sử dụng Công ty T12 xuất cho Công ty Khai thác cảng chưa được xử lý, cơ quan điều tra đã có quyết định tách hành vi để tiếp tục xác minh làm rõ.

7.3. Đối với hành vi mua 23 hoá đơn giá trị gia tăng: Ngô Thị Hương L3 là kế toán của Công ty Đ5 khai nhận mua 23 hóa đơn của Công ty cổ phần Đ6 và Công ty cổ phần Đ6 do Đinh Thị Quỳnh T5 điều hành. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lấy lời khai Đinh Thị Quỳnh T5 xác định 23 hoá đơn do hai Công ty Đ6 xuất bán cho Công ty Đ5 Cảng là có dịch vụ hàng hoá kèm theo. Ngoài lời khai của L3 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu thập được tài liệu chứng cứ khác chứng minh hai Công ty Đ6 có hành vi bán trái phép hóa đơn trên. **Liên quan đến nội dung này,** trước đó sau khi thụ lý vụ án số 100 ngày 28/3/2025 đối với các bị cáo nêu trên bị truy tố về tội: *"Mua bán trái phép hóa đơn".* Ngày 09/5/2025 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra Quyết định trả hồ sơ yêu cầu bổ sung số 02 ngày 09/5/2025 cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ điều tra làm rõ:

Điều tra, làm rõ việc mua bán 23 hóa đơn giá trị gia tăng (VAT):

- Trong đó 11 hóa đơn VAT giữa đơn vị bán hàng là Công ty Cổ phần Đ6 và người mua hàng là Công ty cổ phần Đ5 và 12 hóa đơn giữa đơn vị bán hàng là Công ty Cổ phần Đ6 và người mua hàng là Công ty cổ phần Đ5 là hóa đơn VAT khống hay là hóa đơn có dịch vụ hàng hóa kèm theo.

- Đối với Nguyễn Thị D1 vợ của Phạm Phùng N1 - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ2, là người có tên ký bán hàng 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000115 ngày 10/6/2020 với số tiền 6.136.534.341 đồng; hóa đơn 0000162 ngày 27/7/2020 với số tiền 4.866.306.319 người mua hàng là Công ty Cổ phần Macadamia tỉnh Đ. Qua lời khai Nguyễn Thị D1 không thừa nhận mình có liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên cơ quan điều tra chưa tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của Nguyễn Thị D1 đã khẳng định là Nguyễn Thị D1 không liên quan đến hành vi phạm tội của Phạm Phùng N1 là thiếu sót, chưa đủ căn cứ. Do vậy cần điều tra làm rõ mục người bán hàng trong hóa đơn là ai, có đồng phạm trong vụ án đối với Phạm Phùng N1 hay không, nếu đủ căn cứ thì đề nghị xem xét khởi tố theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung lý lịch người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Lan H4, Lưu Quang L5.

Căn cứ Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã phối hợp Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ, đã điều tra làm rõ: Giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị D1, đã xác định không đủ cơ sở chứng minh chữ ký, chữ viết đứng tên trên hai mẫu vật cần giám định với chữ ký, chữ viết trên 02 hóa đơn bán hàng của Công ty Đ2 của Nguyễn Thị D1 là của cùng một người viết ra hay không. Bổ sung lý lịch người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 19/5/2025, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định số 478, quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự liên quan đến việc mua bán 23 hóa đơn nên trên. Trên cơ sở Quyết định tách trên, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã thụ lý và xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

7.4. Đối với: (1) Nội dung cuộc họp ngày 22/5/2020 của Hiệp hội Mắc ca liên quan đến việc tái cơ cấu Dự án trồng Mắc ca trên địa bàn tỉnh Điện Biên; (2) Công ty cổ phần L10 sử dụng 03 hoá đơn của Công ty cổ phần Macadamia tỉnh Đ kê khai thuế năm 2020 và đã bị Cục Thuế tỉnh L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi kê khai thuế chậm; (3) Kết quả thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền phát hiện một số sai phạm tại Công ty cổ phần X3 và Công ty Cổ phần Măccadima tỉnh Đ cần tiếp tục kiểm tra xác minh làm rõ; (4) Giám định cơ quan thuế để xác định hành vi mua bán trái phép hóa đơn trên có gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước hay không (Công ty Đ5, Công ty cổ phần Đ6) cần tiếp tục kiểm tra, xác minh, làm rõ. (5) Đối với hành vi của Ngô Thị Hương L3 về việc mua hóa đơn của Nguyễn Văn C1 và việc C1 bán 02 hóa đơn của công ty cổ phần X1 và Công ty T12. Quá trình điều tra xác định, 01 hóa đơn do công ty cổ phần X1 xuất bán cho Công ty khai thác cảng, cơ quan Điều tra đã thu thập được bản kết luận điều tra và bản án của Nguyễn Văn C1, hiện C1 đang chấp hành án, đối với 01 hóa đơn còn lại Nguyễn Văn C1 sử dụng Công ty T12 xuất cho Công ty Khai thác cảng chưa được xử lý. Đối với 05 nội

dung nên trên, do chưa xác minh làm rõ được, ngày 26/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định số 287/QĐ – ĐCSKTMT tách hành vi, tài liệu liên quan trong vụ án hình sự.

Công ty cổ phần Đ6 do Đinh Thị Quỳnh T5 thành lập và điều hành. Quá trình điều tra T5 khai những hoá đơn chứng từ liên quan hành vi phạm tội của Công ty cổ phần Đ6 để thất lạc, mất nên không cung cấp được. Ngày 25/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành công văn số 89/PC-CSKTMT kèm theo tài liệu liên quan đề nghị Chi Cục thuế quận C ra Quyết định xử lý theo quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Đ (Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đ), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Điện Biên Phủ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

- Căn cứ khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự; Điều 17; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội: *"Mua bán trái phép hóa đơn":*

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 20 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 181 ngày bị tạm giam (từ ngày 20/12/2024 đến ngày xét xử 18/6/2025 là 06 tháng 01 ngày) quy đổi thành 18 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp 01 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án nhận được quyết định thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 3 Điều 203 đối với bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập thì thực hiện theo quy định tại điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hà Nội trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Căn cứ khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 36, điểm s, t, v khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Công N phạm tội: *"Mua bán trái phép hóa đơn"*: Xử phạt Trần Công N 08 tháng cải tạo không giam giữ.

Không trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa cho bị cáo do ngày 16/6/2025, Trần Công N bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 02 năm tù về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo Bản án số 122/2025/HSST, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 05/11/2024, bản án này chưa có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 56 Bộ luật tố tụng hình sự, sau khi các Bản án có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án có thẩm quyền sẽ tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự: Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Minh H phạm tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn".*

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh H 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng)*

Căn cứ khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 35, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Phùng N1 phạm tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn":* Xử phạt bị cáo Phạm Phùng N1 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*

- Căn cứ Điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc D2 phạm tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn":* Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D2: 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng)*

- Căn cứ Điểm đ khoản 2 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị Hương L3 phạm tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn":* Xử phạt bị cáo Ngô Thị Hương L3: 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*

- Căn cứ khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5 phạm tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn":* Xử phạt bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng*

- Căn cứ khoản 1 Điều 203, Điều 17, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Thùy T7 phạm tội: "*Mua bán trái phép hóa đơn":* Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thùy T7: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ quyết định về việc bảo lĩnh số 68/2025/QĐ- TA ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo Phạm Phùng N1;

Hủy bỏ quyết định về việc bảo lĩnh số 69/2025/QĐ- TA ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo Phạm Ngọc D2;

Hủy bỏ quyết định về việc bảo lĩnh số 70/2025/QĐ- TA ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo Ngô Thị Hương L3

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 71/2025/QĐ-TA ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo Huỳnh Thị Thùy T7.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 72/2025/QĐ-TA ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với bị cáo Đinh Thị Quỳnh T5

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước một case máy tính nhãn hiệu Utek màu đen không có số seri thu giữ của bị cáo Phạm Phùng N1 có liên quan đến hành vi phạm tội được đựng trong một hộp bìa cát tông được bọc bằng giấy trắng; trả lại cho Bùi Thế A1 một ổ cứng máy tính loại HDD nhãn hiệu WD Blue, số loại WD500AAKX, dung lượng 500 GB, series number WCC2EZS88A531.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền: 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)* đối với bị cáo Hoàng Minh H, số tiền 202.582.418 *(Hai trăm linh hai triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm mười tám đồng)* đối với bị cáo Phạm Phùng N1 *(Cả hai khoản tiền này đều đã nộp tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc nhà nước khu vực I)*

- Trả lại cho Công ty cổ phần Đ5: Địa chỉ: C N, phường H, Quận H, Hà Nội số tiền 1.500.000.000 *đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).* Số tiền 1.750.000.000 đã được bà Hoàng Thị Bích L7 *(Em gái bị cáo H)* nộp vào tài khoản của Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc nhà nước khu vực I)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đã được Công an Thành phố Đ bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Điện Biên Phủ hồi 09 giờ, ngày 02 tháng 4 năm 2025)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 18/6/2025. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện của họ có mặt được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(Ngày 18/6/2025;* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thành phố Điện Biên Phủ;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam khu vực TPĐBP;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- THA DS TP; Quận Ủy Ba Đình – HN;
- Các bị cáo; NCQLNVLQ; N.ĐDTUQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM	**HỘI THẨM**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Tạ Thị Nành	**Kháng Mai Thu**	**Lê Đình Hà**